** Phụ lục 1b: THỰC TRẠNG CÁC TIÊU CHÍ LÀNG NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND,, ngày tháng 6 năm 2021 của UBND xã Song An)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí theo quy định 183/QĐ-UBND** | **Chỉ tiêu thôn, làng đạt chuẩn (Theo Quyết định 183/QĐ-UBND)** | **Kết quả** | **Đánh giá** |
| **I. QUY HOẠCH** |
| 1  | Quy hoạch  | 1.1. Thôn, làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí; địa lý, ranh giới thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt,  | Đạt | - Hiện trạng: Không gian làng đã được xây dựng theo đề án làng nông thôn mới, Đề án xây dựng NTM của xã đã được duyệt tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thị xã An Khê.  | Đạt |
| 1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi của thôn, làng cần phải được quy hoạch đất và được cắm mốc | Đạt | - Hiện trạng: Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi của thôn, làng đã được xây dựng. Khu vực nhà rông đã được làm hàng rào ranh giới | Đạt |
| 2 | Giao thông | 2.1. Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng nông thôn mới được nhựa hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | 100% | - Hiện trạng 3,5 km được bê tông hóa, 3,0 km đường quốc lộ.  | Đạt |
| 2.2. Đường trục thôn, làng, đường liên thôn, làng được bê tông, nhựa hóa | ≥70% | 0,355km/0,355km được bê tông hóa, đạt 100% | Đạt |
| 2.3. Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được kết nối với đường trục xã | ≥50% được cứng hóa | - Tỷ lệ đường trục thôn được bê tông hóa đạt 53% (0,506/0,905km),  | Đạt |
| 3.4. Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa | ≥70% được cứng hóa | - Hiện trạng: đã triển khai thi công xong Đường từ nhà ông Đinh đã thực hiện cứng hóa BTXM 0,352/0,352 km theo đề án đạt 100%. | Đạt |
| 3 | Thủy lợi | Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn | Đạt | - Hiện trạng vườn hộ dân làng Pốt trồng cây ăn quả nên không cần tưới, . | Đạt (theo đặc thù) |
| 4 | Điện | Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện ≥98% | Đạt | - Hiện trạng: Có 78/78 hộ dùng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%,  | Đạt |
| 5 | Trường học | Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng. | Đạt | - Hiện trang: Trong làng có 01 điểm trường gồm 02 phòng học, 01 phòng mầm non, mấu giáo và 01 phòng học tiểu học, Các phòng học được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất về bàn ghế đảm bảo dạy và học theo quy định, có nhà vệ sinh sử dụng được, có hệ thống nước sinh hoạt, Khuôn viên trường có hàng rào, cổng xây dựng kiên cố.  | Đạt |
| 6 | Cơ sở vật chất văn hóa | Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp, có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng, ....; Có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định. | Đạt | - Hiện làng có 02 nhà rông là điểm sinh hoạt cộng đồng của làng, bên cạnh nhà rông mới có sân bóng chuyền, tại điểm nhà rông mới đảm bảo nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với làng.  | Đạt |
| 7 | Cơ sở hạ tầng thương mại | Thôn, làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm mua bán trao đổi hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn | Đạt | - Hiện tại có 02 điểm mua bán trao đổi hàng hóa cố định, hoạt động đảm theo quy định. | Đạt |
| 8 | Thông tin và truyền thông | 8.1. Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy cập Internet | Đạt | -Trong làng có sóng điện thoại và có thể truy cập được Internet.  | Đạt |
| 8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hằng ngày | Đạt | - Hiện trạng: Đã có hệ thống loa.  |
| 9 | Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình | 9.1. Trong làng không có nhà tạm, dột nát, hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm 03 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10m2/người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh … được bố trí đảm vệ sinh môi trường, thuận tiện. | Đạt | - Hiện trạng: Nhà ở hộ dân trong làng đảm bảo 03 cứng nhưng tỷ lệ đảm bảo diện tích 10m2/người đạt 29,7% (22/74), các công trình phụ trợ được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện. | Đạt (theo đặc thù). |
| 9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có thể mang lại thu nhập cho người dân. | Đạt | - Hiện trạng nhà ở, vườn được bố trí khoa học, vườn hộ trồng các loại cây ăn quả nhưng chưa mang lại thu nhập đáng kể. |
| 9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào, cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà , trồng cây xanh, thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh-sạch-đẹp. | Đạt | - Hiện trạng: Khuôn viên nhà ở của hộ gia đình thường xuyên được chỉnh trạng ngăn nấp, cải tạo hàng rào xanh |
| 9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương | Đạt | - Hiện trạng nhà ở tại làng đa số các hộ xây dựng nhà sàn phía sau nhà chính mang kiến trúc đặc thù của làng. |
| 9.5. Tỷ lệ hộ nhà ở đạt theo quy định của Bộ Xây dựng | Đạt | - Hiện trạng tỷ lệ nhà ở đạt theo quy định của bộ xây dựng chỉ có 29,7% nhà đạt, tuy nhiên do đặc thù về suộc sống của người dân làng thì tiêu chí này không thể thay đổi khác được nên đánh giá là đạt.  |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020 (triệu đồng/người/năm) | Năm 2019: 38 triệu đồngNăm 2020: 41 triệu đồng | - Hiện trạng: Trong năm 2020, ước thu nhập BQ đầu người tại làng 32 triệu đồng/người/năm  | Chưa đạt |
| 11 | Hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 | ≤ 7% | - Hiện trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2019 trên địa bàn làng Pốt có 03 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 4% (3/74=4%).  | Đạt |
| 12 | Lao động có việc làm | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, làng | ≥90% | -Hiện trạng: Tổng số dân trong độ tuổi lao động của làng: 224 người; Tổng số lao động có việc làm thường xuyên: 204 người. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: 91%.- Đánh giá: Đạt.  | Đạt |
| 13 | Tổ chức sản xuất | 13.1. Có tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả | Đạt | - Hiện tại trong làng hình thành Tổ quản lý khai thác, sử dụng hệ thống nước tự chảy.Thành lập THT dùng nước suối Tôm | Đạt |
| 13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng | Đạt |
| 14 | Giáo dục và đào tạo | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: |   |  | Đạt (theo đặc thù của làng) |
| - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi: |  |  |
| + Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp | ≥90% | - Hiện trạng: có 11/11 trẻ 5 tuổi đến lớp 100% |
| + Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non | ≥80% | - Năm học 2019-2020: 11/11 em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt, 100%. |
| - Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2: |   |  |
| + Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt | ≥90% | - Hiện trạng: 11/11 em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt, 100%. |
| + Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | ≥70% | - Hiện trạng: 20/20 em đến tuổi 14 hoàn thành chương trình tiểu học. |
| - Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở | ≥80% | - Hiện trạng: có 01/26 em tốt nghiệp THCS (do đặc thù của làng).- Đánh giá: Đạt (do đặc thù)THCS |
| 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề | ≥70% | - Hiện trạng: Không có học sinh học lớp 9 lên lớp 10 hoặc học nghề, bổ túc. |
| 14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề | ≥25% | - Hiện trạng: Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: 39,2% . (80/204người) |
| 15 | Y tế | 15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế | ≥85% | - Hiện trạng: 100% người dân được cấp BHYT. | Đạt |
| 15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động | Đạt | - Hiện trạng: Làng có 01 cộng tác viên y tế nhưng chưa được đào tạo lần nào. | Chưa đạt |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng | ≥97% | - Hiện trạng: có 10 em, được tiêm chủng đầy đủ là 10 em, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ là 100% | Đạt |
| 15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng theo thể thấp còi | ≤31,4% | - Hiện trạng: Tỷ lệ trẻ em suy dưới 5 tuổi của làng bị suy dinh dưỡng trẻ thấp còi là 15/53 đạt 28,3%. | Đạt |
| 16 | Văn hóa | Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định | Đạt | - Hiện trạng năm 2019: Làng đạt chuẩn văn hóa theo quy định. | Đạt |
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm  | 17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch | ≥95% nước HVS và ≥50% nước sạch | - Hiện trạng: Tỷ lệ nước HVS là 100%, nước sạch theo kết quả xét nghiệm nước tại hệ thống nước năm 2018 là đạt chuẩn nước sạch, tỷ lệ là 98,6%. | Đạt  |
| 17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường | 100% | - Hiện trạng: 02 cơ sở kinh doanh tại làng đã ký cam kết về BVMT trong kinh doanh. | Đạt  |
| 17.3 Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp | Đạt | - Hiện trạng: Các tuyến đường, điểm công cộng trong làng định kỳ ngày 24 hàng tháng được nhân dân làng tổ chức dọn vệ sinh, chỉnh tranh cây xanh làm hàng rào. | Đạt |
| 17.4 Về nghĩa địa, khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường. | Đạt | - Hiện trạng: khu vực chôn cất của làng phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100m; Tuy nhiên có một số mộ của làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100m ở vị trí đầu làng chưa được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh.  | Đạt |
| 17.5 Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom xử lý đúng theo quy định | Đạt | - Hiện trạng: 100% hộ dân đào hố rác tại góc vườn sau nhà, bao bì thuốc BVTV sau sử dụng về bể thu gom chưa đúng quy định | Đạt |
| 17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tăm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh | ≥70% | Hiện trạng: có 26 hộ dân có nhà vệ sinh đảm bảo HVS, xây dựng kiên cố, . Kết quả hiện nay đạt 35%,  | Chưa đạt |
| 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn. | ≥60% | - Hiện trạng không có hộ chăn nuôi làm chuồng trại trước sân nhà, cần di dời ra sau góc vuờn, hay dưới sàn nhà . | Đạt |
| 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | - Hiện tại hộ kinh daonh trong làng đa số được phổ biến, hướng dẫn các quy định cơ bản về đảm bảo an toàn thực phẩm cho hộ kinh doanh. | Đạt |
| 17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới” | Đạt | - Hiện trạng: 100% hội viên tham gia cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới” hoạt động hiệu quả | Đạt |
| **V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH** |   |  |  |
|  18      | Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật  | 18.1. Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định (gồm Chi bộ, ban CTMT, chi hội CCB, chi hội ND, Chi hội LH PN, chi đoàn thanh niên). Kết quả phân loại Chi bộ thôn, làng hàng năm đạt hoàn thành nhiệm vụ trở lên; Các tổ chức đoàn thể chính trị trong thôn, làng hàng năm được xếp loại chất lượng :Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên. | Đạt | - Hiện trạng: Kết quả phân loại Chi bộ thôn, làng hàng năm 2020 đạt hoàn thành nhiệm vụ trở lên; Các tổ chức đoàn thể chính trị trong thôn, làng hàng năm được xếp loại chất lượng :Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên. | Đạt |
| 18.2. Có Ban phát triển quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận | Đạt | - Hiện trạng: UBND xã đã ban hành quyết định công nhận Ban phát triển làng Pốt | Đạt |
| 18.3. Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện | Đạt | - Hiện trạng: Làng đã có Hương ước được phê duyệt năm 2012. | Đạt |
| 18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, làng, các nguồn nội lực của thôn, làng, dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng. | Đạt | - Hiện trạng: Ban phát triển làng xây dựng kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và giai đoạn có sự tham gia của công đồng,  |  Đạt |
| 18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn có ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình. | Đạt | - Hiện trạng: Phụ nữ của làng có nhu cầu vay vốn từ các chương trình vay vốn ưu đãi được vay vốn để phát triển sản xuất, không có bạo lực gia đình, cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. | Đạt |
| 18.6. Nhận dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật: Trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, được thông tin, định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm, được tiếp cận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh huyện, xã cấp phát, thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn, làng, tổ hòa giải ở cơ sở của thôn, làng được thành lập, thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả, 100% các vụ việc hòa giả ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành. | Đạt | Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật tại làng đã được tổ chức 01 đợt, có 80% người dân tiếp cận được các quy định của pháp luật cơ bản, có danh sách minh chứng. | Đạt |
| 19 | Quốc phòng - An ninh | 19.1. Quốc phòng: Lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng | Đạt | - Hiện trạng: Tổng quân số DQ làng là 21, trong đó DQ là đảng viên: 06 đ/c, biên chế: 05 đ/c, binh chủng chiến đấu 16 đ/c; -  | Đạt |
| 19.2. An ninh-: Trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên: Không có tự điểm phức tạp về trật tự xã hội, không để hình thành, phục hội các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xảy ra trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiềm chế giảm so với năm trước; Công an viên. lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỹ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên, có hiệu quả. | Đạt | - Hiện trạng: Đảm bảo an ninh trật tự đã thành lập mô hình tổ chức quần chứng làm công tác ANTT của làng,. | Đạt |